

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

NGHỆ AN - 2019

Nghệ An, ngày tháng năm 20

BẢN MÔ TẢ

Chương trình đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ

Ngành: Công tác xã hội

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHV, ngày / /20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

I. Thông tin chung

1. Tên ngành:

Tên tiếng Việt: Công tác xã hội

Tên tiếng Anh: Social Work

2. Mã số ngành đào tạo: 7760101

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp

Tên tiếng Việt: Cử nhân Công tác xã hội

Tên tiếng Anh: Bachelor of Social Work

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn

7. Chương trình đối sánh: Trường Đại học bang San Jose (Mỹ), Đại học Phụ nữ Philippin, Trường Đại học Lao động - Xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Công đoàn, Học viện Thanh thiếu niên

8. Hình thức đào tạo: Chính quy - Tập trung

9. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

10. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 150 sinh viên/năm

11. Điều kiện nhập học

- Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành.

- Đảm bảo đủ sức khỏe theo quy định cho các ngành nghề đào tạo.

12. Điều kiện tốt nghiệp

(Trích Điều 27, Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp).

- Trong thời gian học tập theo quy định của khóa học.

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ 125 tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo

- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4).

- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương (Riêng ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh yêu cầu đạt trình độ tiếng Anh bậc 5 và tiếng Pháp bậc 3);

- Hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định;

- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất.

13. Ngày tháng ban hành:

14. Phiên bản chỉnh sửa:

II. Mục tiêu chương trình đào tạo

1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn, có năng lực thu hút sự tham gia, đánh giá, can thiệp và lượng giá hoạt động Công tác xã hội với cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- **Về phẩm chất:** Sinh viên tốt nghiệp có bản lĩnh chính trị, phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp.

- **Về kiến thức:** Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức cơ bản về Triết học, Tâm lý học, Xã hội học, Văn hóa, Lịch sử và Pháp luật...; kiến thức cơ sở về lý thuyết Công tác xã hội, Chính sách xã hội và An sinh xã hội, Hành vi con người và môi trường xã hội; kiến thức chuyên sâu về các phương pháp Công tác xã hội với cá nhân; Công tác xã hội với nhóm; Công tác xã hội với cộng đồng và Quản trị Công tác xã hội.

- **Về kỹ năng:** Kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá và hệ thống các vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; khai thác, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; kỹ năng thu hút sự tham gia, đánh giá, can thiệp và lượng giá hoạt động Công tác xã hội với cá nhân, nhóm, cộng đồng trong thực tiễn xã hội.

III. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra cấp chương trình được thiết kế theo 4 nhóm nội dung:

- Kiến thức và lập luận ngành;
- Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp;
- Kỹ năng giao tiếp;
- Năng lực thực hành nghề nghiệp để phân nhiệm giảng dạy cho các học phần và đánh giá ở cấp chương trình.

IV. Nội dung chương trình đào tạo

4.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 125 tín chỉ, trong đó:

4.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 36 tín chỉ

4.1.1.1. Kiến thức đại cương chung: 20 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	5
2.	Lô gic hình thức	3
3.	Tiếng Anh 1	3
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5.	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3
6.	Tiếng Anh 2	4
Tổng		20

4.1.1.2. Kiến thức đại cương khối ngành: 16 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1.	Tâm lý học đại cương	3
2.	Xã hội học đại cương	3
3.	Tin học (Nhóm ngành KHXH&NV)	3
4.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	4
5.	Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng	3

	Tổng	16
--	-------------	-----------

4.1.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 89 tín chỉ

4.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 53 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1.	Lịch sử văn minh thế giới	3
2.	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3
3.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3
4.	Nhập môn ngành khoa học xã hội và nhân văn	3
5.	Tự chọn 1	2
6.	Phương pháp nghiên cứu Công tác xã hội	4
7.	Lý thuyết công tác xã hội	4
8.	Hành vi con người và môi trường xã hội	3
9.	Chính sách xã hội	3
10.	An sinh xã hội	3
11.	Công tác xã hội với cá nhân	4
12.	Công tác xã hội với nhóm	4
13.	Thực hành nghiên cứu trong Công tác xã hội	3
14.	Quản trị ngành công tác xã hội	3
15.	Tham vấn trong công tác xã hội	4
16.	Phát triển cộng đồng	4
	Tổng	53

4.1.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 36 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1.	Thực tế chuyên môn Công tác xã hội	3
2.	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và nhóm	5
3.	Công tác xã hội trong trường học	4
4.	Công tác xã hội trong bệnh viện	4
5.	Chuyên ngành hẹp: Tự chọn 2	4
6.	Chuyên ngành hẹp: Tự chọn 3	4
7.	Chuyên ngành hẹp: Tự chọn 4	4
8.	Thực hành phát triển cộng đồng	3
9.	Thực tập cuối khóa	5
	Tổng	36

4.2. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tỷ lệ lý thuyết/ T. luận, bài tập, (T.hành)/Tự học	Chia theo năm/học kỳ								
					Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4		
					Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8	
1.	HIS20001	Nhập môn ngành khoa học xã hội và nhân văn	3	30/15/90	1								
2.	POL20001	Lôgic hình thức	3	30/15/90	1								
3.	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	30/15/90	1								
4.	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30/15/90	1								
5.	LAW20001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	4	40/20/120	1								
6.	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của CN	5	50/25/150		2							

		Mác-Lênin											
7.	INF20002	Tin học	3	30/(15)/90		2							
8.	SOW20001	Xã hội học đại cương	3	30/15/90		2							
9.	LAW20006	Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng	3	30/15/90		2							
10.	EDU20004	Tâm lý học đại cương	3	30/15/90		2							
11.	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối quân sự)	(3)	45/0/90	1-3	1-3	1-3						
12.	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	(2)	30/0/60	1-3	1-3	1-3						
13.	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3(QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	(3)	15/(30)/90	1-3	1-3	1-3						
14.	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15/(60)/150	1-3	1-3	1-3						
15.	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20/10/60			3						
16.	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3	30/15/90			3						
17.	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	30/15/90			3						
18.	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45/15/120			3						
19.	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	30/15/90			3						
20.	SOW30001	An sinh xã hội	3	30/15/90				4					
21.	SOW30002	Chính sách xã hội	3	30/15/90				4					
22.	SOW30003	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	30/15/90				4					
23.	SOW30006	Lý thuyết công tác xã hội	4	45/15/120				4					
24.	SOW30007	Phương pháp nghiên cứu Công tác xã hội	4	45/15/120				4					
25.		Tự chọn 1	2					4					
26.	SOW30008	Công tác xã hội với cá nhân	4	45/15/120					5				
27.	SOW30009	Công tác xã hội với nhóm	4	45/15/120					5				
28.	SOW30010	Tham vấn trong Công tác xã hội	4	45/15/120					5				
29.	SOW30011	Thực hành nghiên cứu trong Công tác xã hội	3	0/(45)/90					5				
30.	SOW30012	Thực tế chuyên môn Công tác xã hội	3	0/(45)/90					5				
31.	SOW30013	Công tác xã hội trong trường học	4	45/15/120						6			
32.	SOW30014	Công tác xã hội với người khuyết tật	4	45/15/120						6			
33.	SOW30015	Phát triển cộng đồng	4	45/15/120						6			

34.	SOW30016	Quản trị ngành Công tác xã hội	3	30/15/90						6		
35.	SOW30017	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và nhóm	5	0/(75)/150						6		
36.		Chuyên ngành - Chuyên đề 1	4								7	
37.		Chuyên ngành - Chuyên đề 2	4								7	
38.		Chuyên ngành - Chuyên đề 3	4								7	
39.	SOW30028	Thực hành phát triển cộng đồng	3	0/(45)/90							7	
40.	SOW30031	Thực tập cuối khóa	5	0/(75)/150								8

4.3. Mô tả học phần

4.3.1. Nhập môn Khoa học xã hội và Nhân văn

Nhập môn Khoa học xã hội và Nhân văn là học phần bắt buộc, thuộc kiến thức đại cương của khối ngành khoa học Xã hội và Nhân văn, được giảng dạy trong học kỳ 1. Nội dung của học phần giúp cho sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, phương pháp nghiên cứu ... của khoa học xã hội nhân văn và nhập môn các lĩnh vực cụ thể như: Quản lý văn hóa, Báo chí, Chính trị học, Công tác xã hội, Luật học, Quản lý giáo dục và Du lịch,... Thông qua học phần này, bước đầu rèn luyện những phẩm chất cá nhân nghề nghiệp cho sinh viên cũng như hình thành kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp trong học tập, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, trên cơ sở đó vận dụng một cách linh hoạt trong thực tiễn cuộc sống

4.3.2. Logic hình thức

Lôgic hình thức là khoa học nghiên cứu các hình thức của tư duy và mối liên hệ giữa chúng về mặt giá trị chân lý, nhằm xác lập các qui luật, qui tắc cho tư duy mà việc tuân thủ chúng là điều kiện không thể thiếu để đạt tới tri thức đúng đắn về đối tượng. Trên cơ sở phân tích các yếu tố cấu thành và các thao tác cơ bản của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận và chứng minh, lôgic hình thức vạch ra 4 qui luật cơ bản của tư duy (quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ), và một hệ thống các qui tắc cụ thể, chặt chẽ điều chỉnh toàn bộ hoạt động của tư duy, mà trọng tâm là nhóm các qui tắc suy luận diễn dịch.

4.3.3. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hóa học, văn hóa Việt Nam, giúp sinh viên hiểu được quy luật hình thành và phát triển của văn hóa, qua đó, lí giải và đánh giá đúng các hiện tượng văn hóa Việt Nam nói riêng, văn hóa nói chung.

4.3.4. Tiếng Anh 1

Tiếng Anh 1 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (trương đương B1 khung tham chiếu châu Âu).

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên: vốn từ vựng tiếng Anh về các chủ đề sức khỏe, thể thao, phương tiện đi lại du lịch và môi trường; kiến thức ngữ pháp tiếng Anh về các thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, used to; các động từ tình thái, các cấp so sánh của tính từ, các loại trạng từ/ trạng ngữ, mạo từ, danh từ đếm được và không đếm được; một số kiến thức ngữ âm đơn giản tiếng Anh; kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của các quốc gia trên thế giới.

Học phần Tiếng Anh 1 giúp sinh viên: thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng

tiếng Anh về các chủ đề sức khỏe, thể thao, phương tiện đi lại du lịch và môi trường; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ Anh khi giao tiếp về các chủ đề quen thuộc; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh về các chủ đề nêu trên.

4.3.5. Lý luận về nhà nước và pháp luật

Lý luận về Nhà nước và pháp luật là học phần có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo của toàn bộ khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Học phần là khối tri thức khoa học lý luận về Nhà nước và pháp luật làm nền tảng phương pháp luận cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề chính trị, pháp lý, xã hội ở các nội dung tiếp theo trong chương trình đào. Bên cạnh đó, lý luận chung về nhà Nước và pháp luật có ý nghĩa lâu dài về mặt nhận thức cho sinh viên. Trong nhà nước pháp quyền XHCN, mọi công dân, tổ chức đều phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, coi pháp luật ở giá trị thượng tôn. Là những sinh viên ngành KHXH nhân văn được đào tạo trở thành cán bộ Nhà nước, những chuyên gia hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, văn hoá, xã hội cần thiết phải được trau dồi hiểu biết và nắm rõ tinh thần, nội dung các quy định pháp luật hiện hành.

4.3.6. Triết học Mác – Lênin

Học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học, cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của triết học Mác - Lênin, gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Học phần nhằm xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học; xây dựng niềm tin, lý tưởng cho sinh viên và giúp các em vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, cũng như nghiên cứu các khoa học chuyên ngành.

4.3.7. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Gồm những nội dung cơ bản của kinh tế chính trị về học thuyết giá trị - lao động và học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác trong thời đại ngày nay, về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về công nghiệp hoá, hiện đại hóa, kinh tế tri thức và về kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

4.3.8. Tin học

Đây là học phần bắt buộc, được giảng dạy cho sinh viên các ngành Khoa học Xã hội nhân văn, Sư phạm Anh, Ngôn ngữ Anh, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất. Học phần nhằm trang bị các kiến thức và kỹ năng căn bản về lĩnh vực công nghệ thông tin hỗ trợ trong các ngành, bao gồm các nội dung: Khai thác về hệ điều hành và Internet phục vụ ngành học; Xử lý văn bản và một số chức năng xử lý cao cấp của MS-Word; Sử dụng một số hàm đơn giản của MS-Excel để tính toán trên các bảng dữ liệu; Thực hành kỹ thuật biên tập video và tạo bài giảng hay bài thuyết trình; Kết hợp trình chiếu MS-PowerPoint và sử dụng phần mềm Adobe Presenter tạo bài giảng Elearning. Học phần hỗ trợ sinh viên trong học tập và nghiên cứu các học phần tiếp theo.

4.3.9. Xã hội học đại cương

Học phần Xã hội học đại cương thuộc khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn, cung cấp cho sinh viên những nội dung nền tảng về đối tượng nghiên cứu, lịch sử phát triển, các lý thuyết xã hội học hiện đại, phương pháp nghiên cứu xã hội học thực nghiệm và hệ thống khái niệm chuyên ngành. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nhận diện, phân tích các hiện

tượng xã hội trong đời sống ở nhiều chiều cạnh khác nhau. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng cần thiết như thuyết trình, giao tiếp, tư duy độc lập và làm việc nhóm đáp ứng yêu cầu công việc sau khi ra trường.

4.3.10. Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng

Học phần Kỹ thuật xây dựng văn bản hành chính thông dụng là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong khung chương trình đào tạo cử nhân Khoa học xã hội nhân văn. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về vai trò của văn bản trong đời sống xã hội, hệ thống các văn bản, đặc điểm của từng loại văn bản và hình thức, quy trình soạn thảo văn bản hành chính thông dụng. Đồng thời, học phần cũng hướng dẫn sinh viên kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu của hoạt động quản lí.

4.3.11. Tâm lý học đại cương

Học phần Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản, dùng cho các nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn. Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho người học những kiến thức về khoa học tâm lý người: sự hình thành và phát triển của tâm lý, các hiện tượng, quy luật và cơ chế vận hành của các quy luật tâm lý người, cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý; giúp người học nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý, giải thích các hiện tượng tâm lý trong cuộc sống và vận dụng được các kiến thức đã lĩnh hội vào việc tổ chức cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp; Có khả năng tự đánh giá và tự tu dưỡng bản thân đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống và nghề nghiệp.

4.3.12. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần này thể hiện những vấn đề cơ bản lý luận về chính trị - xã hội, về CNXHKKH, và sự vận dụng của Đảng, Nhà nước ta. Đây là những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết hiện nay ở nước ta. Thể hiện qua cấu trúc nội dung

4.3.13. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, bắt buộc sinh viên tất cả các ngành phải được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần có 6 chương, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản hệ thống lý luận quan điểm, toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam bao gồm: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người.

4.3.14. Lịch sử văn minh thế giới

Học phần Lịch sử văn minh thế giới thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối ngành Sư phạm xã hội và khối ngành Khoa học Xã hội & Nhân văn. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và thành tựu của văn minh nhân loại qua các thời kỳ lịch sử. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nhận diện, giải quyết những vấn đề trong nghiên cứu tri thức về lịch sử, văn hóa văn minh thế giới. Ngoài ra, học phần còn giúp rèn luyện các kỹ năng cần thiết như giao tiếp và làm việc nhóm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

4.3.15. Tiến trình lịch sử Việt Nam

Học phần Tiến trình Lịch sử Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về công cuộc dựng nước và giữ nước của ông cha, về quá trình đấu tranh kiên cường, bền bỉ, thông minh, sáng tạo để chống lại các thế lực xâm lược, bảo vệ đất nước, giữ gìn truyền thống văn hóa, phát triển kinh tế, xã hội của dân tộc. Từ đó, học phần giúp cho sinh viên có cái nhìn khái quát, toàn diện, hệ thống về quá trình phát

sinh, phát triển của lịch sử dân tộc, quy luật phát triển cơ bản của lịch sử Việt Nam trong sự phát triển chung của lịch sử thế giới. Thông qua hoạt động học tập, học phần giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng cần thiết như rèn luyện về phương pháp nghiên cứu sử học, phương pháp đánh giá các sự kiện, nhân vật lịch sử và khám phá tri thức về lịch sử, văn hóa; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và tư duy phản biện nhằm đáp ứng Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

4.3.16. Tiếng Anh 2

Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của các quốc gia nói tiếng Anh, giúp sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ bậc 3; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

4.3.17. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 2 tín chỉ, là học phần thuộc khối kiến thức bắt buộc. Nội dung của học phần này cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống các sự kiện lịch sử Đảng, hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất của các sự kiện đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng; làm sáng tỏ nội dung Cương lĩnh, đường lối của Đảng, cơ sở lý luận, thực tiễn và giá trị hiện thực của đường lối trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam cùng quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực tiễn của Đảng trong tiến trình cách mạng từ khi Đảng ra đời đến nay. Đồng thời, làm rõ tổ chức của Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các giai đoạn và thời kỳ lịch sử.

4.3.18. An sinh xã hội

Học phần An sinh xã hội thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội; có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho người học một số vấn đề chung về an sinh xã hội, cơ sở khoa học của an sinh xã hội; hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam; rèn luyện cho người học kỹ năng nhận diện, cập nhật thông tin, làm việc nhóm và thuyết trình các vấn đề xã hội liên quan đến an sinh xã hội; giúp người học hiểu bối cảnh xã hội và môi trường liên quan đến an sinh xã hội.

4.3.19. Chính sách xã hội

Chính sách xã hội là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chính sách xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. Sinh viên có thể vận dụng phương pháp nghiên cứu chính sách xã hội để nhận diện, phân tích các vấn đề xã hội diễn ra trong thực tiễn hiện nay. Người học được hình thành những kỹ năng cần thiết như: nhận diện các vấn đề về chính sách xã hội; có khả năng tư duy phản biện đối với những bất cập, hạn chế trong quá trình thực hiện một số chính sách trong thực tiễn; kỹ năng cập nhật những thông tin mới về các chính sách trong lĩnh vực công tác xã hội. Đồng thời, sinh viên còn được tiếp tục phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình đã được thực hành ở những học phần trước đó.

4.3.20. Hành vi con người và môi trường xã hội

Hành vi con người và môi trường xã hội là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy tại học kỳ 4. Học phần giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm, sinh lý và các vấn đề xã hội của con người theo từng giai đoạn phát triển; tác động của môi

trường tự nhiên và môi trường xã hội đối với hành vi của con người; các lý thuyết nghiên cứu về hành vi con người. Trong quá trình học, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản để hiểu và phân tích hành vi của thân chủ trong các tình huống cụ thể.

4.3.21. Lý thuyết công tác xã hội

Lý thuyết công tác xã hội là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành đối với sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội, được giảng dạy vào học kỳ 4. Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về lý thuyết công tác xã hội như: Khái niệm, cấu trúc của lý thuyết, các lý thuyết vận dụng trong công tác xã hội cá nhân và các nhóm xã hội. Học phần giúp sinh viên có hiểu biết khoa học lý thuyết công tác xã hội, các bước tiến hành phân tích đối chiếu so sánh các lý thuyết và quá trình vận dụng lý thuyết vào việc giải quyết các vấn đề của công tác xã hội.

4.3.22. Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: phương pháp luận khoa học, một số phương pháp nghiên cứu CTXH cụ thể và việc vận dụng các phương pháp này trong quá trình nghiên cứu cá nhân, nhóm, cộng đồng, xã hội, quy trình nghiên cứu công tác xã hội. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về nghiên cứu CTXH, các giai đoạn nghiên cứu công tác xã hội. Người học biết vận dụng những vấn đề lý luận vào thực tế nghiên cứu công tác xã hội.

4.3.23. Công tác xã hội với cá nhân

Công tác xã hội với cá nhân là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy tại học kỳ 5. Học phần giúp sinh viên có kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về công tác xã hội với cá nhân như: lý thuyết và các cách tiếp cận cơ bản, các nguyên tắc đạo đức trong hoạt động công tác xã hội với cá nhân; đặc biệt là các công cụ, kỹ thuật giúp đỡ đối tượng và tiến trình của công tác xã hội cá nhân.

4.3.24. Công tác xã hội với nhóm

Công tác xã hội với nhóm là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy tại học kỳ 5. Học phần giúp sinh viên có kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về công tác xã hội với nhóm như: khái niệm, mục đích, phương pháp, các loại hình nhóm, lý thuyết và tiến trình Công tác xã hội với nhóm cũng như một số kỹ năng cơ bản và kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội với nhóm

4.3.25. Tham vấn trong công tác xã hội

Tham vấn trong công tác xã hội là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy tại học kỳ 5. Học phần giúp sinh viên có hiểu biết khoa học về kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về công tác tham vấn như: bản chất của tham vấn, các nguyên tắc đạo đức trong thực hành tham vấn; các vấn đề của cá nhân, gia đình, nhóm và mối quan hệ giữa nhà tham vấn và các loại thân chủ trên; các kỹ năng tham vấn cơ bản và các bước thực hiện một tiến trình tham vấn.

4.3.26. Thực hành nghiên cứu trong Công tác xã hội

Thực hành nghiên cứu trong Công tác xã hội là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội nhằm giúp người học trình bày các quan điểm, nghiên cứu, phát hiện về những chủ đề mà họ quan tâm. Là một hoạt động nghiên cứu khoa học, còn giúp sinh viên nêu và phân tích được vấn đề, kết nối lý thuyết đã học với nghiên cứu và hoạt động thực tiễn công tác xã hội. Ngoài ra còn rèn luyện cho người học các kỹ năng nghiên cứu khoa học như: lên kế

hoạch, viết, kỹ năng biên tập...

4.3.27. Thực tế chuyên môn Công tác xã hội

Thực tế chuyên môn Công tác xã hội là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội nhằm giúp người học áp dụng các kiến thức lý thuyết đã được học vào thực tế để tìm hiểu về đời sống của các đối tượng khó khăn, yếu thế nói chung và việc tiếp cận các chế độ, chính sách, dịch vụ, hoạt động can thiệp của Nhà nước và cộng đồng cho các đối tượng khó khăn, yếu thế nói riêng. Đề từ đó, đưa ra những đánh giá và khuyến nghị về các chế độ, chính sách, dịch vụ, hoạt động can thiệp của Nhà nước và cộng đồng cho các đối tượng khó khăn, yếu thế.

4.3.28. Công tác xã hội trong trường học

Học phần thuộc khối kiến thức tự chọn chuyên ngành công tác xã hội, nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức trong lĩnh vực công tác xã hội trường học. Thông qua học phần, người học sẽ có những hiểu biết, kỹ năng cần thiết trong quá trình tác nghiệp tại môi trường học đường, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, cũng như kịp thời phát hiện, can thiệp trợ giúp cho học sinh vượt qua được những khó khăn vướng mắc trong quá trình học tập, phát huy sự gắn kết giữa Học sinh - Giáo viên - Gia đình - và Nhà trường..

4.3.29. Công tác xã hội với người khuyết tật

Công tác xã hội với người khuyết tật là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành công tác xã hội, được giảng dạy vào học kỳ 6. Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về người khuyết tật và công tác xã hội với người khuyết tật như: Khái niệm về người khuyết tật, cách phân loại khuyết tật, những khó khăn mà người khuyết tật gặp phải, nguyên nhân dẫn đến khuyết tật cũng như tác động của khuyết tật lên chính bản thân người khuyết tật và những người xung quanh. Các chính sách pháp luật dành cho người khuyết tật. Học phần rèn luyện cho người học các kỹ năng nhận diện và giải quyết vấn đề cho người khuyết tật và gia đình của họ thông qua tiến trình quản lý trường hợp đối với người khuyết tật, phương pháp công tác xã hội với nhóm và làm việc với cộng đồng để tạo điều kiện cho người khuyết tật có được sự độc lập và tốt đẹp hơn.

4.3.30. Phát triển cộng đồng

Học phần phát triển cộng đồng trang bị cho người học những kiến thức cần có của một tác viên cộng đồng hoạt động trong các chương trình, dự án phát triển cộng đồng. Đồng thời học phần còn trang bị cho người học những kỹ năng tổ chức và phát triển cộng đồng dựa trên tiến trình hoạt động hỗ trợ giúp cộng đồng tăng năng lực, tự giải quyết vấn đề, phát huy nội lực của cộng đồng, tiến tới tự lực phát triển một cách bền vững.

4.3.31. Quản trị ngành Công tác xã hội

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về quản trị ngành công tác xã hội, nhà quản trị công tác xã hội, các hoạt động trong quản trị công tác xã hội ở cấp độ tổ chức và cấp độ nhân viên xã hội như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, đánh giá, giám sát, quản lý ca, giải tỏa stress...Ngoài ra, người học còn được trang bị những phương pháp và kỹ năng cần thiết trong quản trị công tác xã hội.

4.3.32. Thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm

Thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được giảng dạy vào học kỳ 6. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về mục tiêu, yêu cầu trong thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp, vai trò trách nhiệm của cán bộ làm công tác xã hội với tư cách là người hướng dẫn, kiểm huấn, đánh giá; tạo cơ hội cho người học vận dụng được những lý thuyết, phương

pháp, kỹ năng công tác xã hội cá nhân và nhóm vào thực hành giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân và nhóm. Xây dựng các chương trình, dự án - cách giải quyết vấn đề, đồng thời giáo dục, bồi dưỡng cho người học những tình cảm, ý thức trách nhiệm với xã hội

4.3.33. Thực hành phát triển cộng đồng

Thực hành phát triển cộng đồng là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội nhằm giúp người học áp dụng các kiến thức lý thuyết đã được học vào thực tế để tìm hiểu về những cộng đồng khó khăn, yếu thế: thực trạng và nguyên nhân của vấn đề đang gặp phải, nguồn lực hiện có... Để từ đó giúp cộng đồng xây dựng và thực hiện kế hoạch giải quyết các vấn đề, khó khăn mà cộng đồng đang gặp phải.

4.3.34. Kỹ năng giao tiếp

Kỹ năng giao tiếp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên Công tác xã hội, được phân bổ trong học kỳ 4. Học phần kỹ năng giao tiếp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về giao tiếp, ứng xử theo truyền thống dân tộc và theo thông lệ quốc tế, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội ở giai đoạn hiện nay. Học phần vừa là học phần lý thuyết, vừa là học phần thực hành. Trong quá trình học, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, ứng xử đồng thời thực hành để rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức của học phần vào các tình huống giao tiếp hàng ngày cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

4.3.35. Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm xã hội là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành hẹp An sinh xã hội và phát triển cộng đồng trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Đây là học phần cung cấp cho người học các kiến thức lý luận về bảo hiểm xã hội nói chung và các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội ở Việt Nam hiện nay nói riêng dành cho người lao động khi gặp các rủi ro liên quan đến bảo hiểm xã hội để từ đó biện hộ và thực hiện tốt các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động.

4.3.36. Công tác xã hội với người nghèo

Công tác xã hội với người nghèo là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được giảng dạy vào học kỳ 7. Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về nghèo đói, xoá đói giảm nghèo, thực trạng và nguyên nhân nghèo đói của các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng ở các khu vực khác nhau. Học phần rèn luyện cho người học các kỹ năng nhận diện và giải quyết vấn đề nghèo đói của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng nghèo ở thông qua tiến trình công tác xã hội với người nghèo đồng thời giúp người học có ý thức trách nhiệm với người nghèo, với cộng đồng, với quốc gia và dân tộc, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ.

4.3.37. Công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận và nhấn mạnh vị trí, vai trò quan trọng của công tác xã hội đối với nhóm dân tộc thiểu số. Trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cho người làm công tác xã hội với vấn đề nghèo đói; vấn đề về văn hóa, lối sống; vấn đề về chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường; vấn đề về giáo dục với các nhóm dân tộc thiểu số. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học những phương pháp và kỹ năng cần thiết khi thực hành công tác xã hội với nhóm đối tượng này.

4.3.38. Quản lý ca trong công tác xã hội

Học phần góp phần trang bị cho người học một cách làm việc khoa học mà ngày càng được nhân viên xã hội ở các cơ sở xã hội áp dụng rộng rãi trong các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ xã hội phục vụ con người. Quản lý ca trong công tác xã hội cung cấp

những kiến thức, kỹ năng về việc quản lý tài nguyên phù hợp, giúp người học biết cách vận dụng triệt để các nguồn tài nguyên để hỗ trợ thân chủ, tạo điều kiện để thân chủ nhanh chóng phục hồi các chức năng xã hội vốn có.

4.3.39. Ưu đãi và trợ giúp xã hội

Ưu đãi và trợ giúp xã hội là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành hẹp An sinh xã hội và phát triển cộng đồng trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Đây là học phần cung cấp cho người học các kiến thức lý luận cơ bản về ưu đãi và trợ giúp xã hội; chính sách ưu đãi xã hội qua các thời kỳ và trợ giúp xã hội hiện nay; việc tổ chức thực hiện và quản lý chính sách ưu đãi và trợ giúp xã hội cho các đối tượng người có công với cách mạng, đối tượng khó khăn, yếu thế trong xã hội.

4.3.40. Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dự án và quản lý dự án công tác xã hội, các kiến thức về tiến trình xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội. Đồng thời còn trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết của người làm quản lý dự án và kỹ năng để có thể xây dựng và quản lý được các dự án công tác xã hội trong thực tiễn.

4.3.41. Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế

Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên chuyên ngành Công tác xã hội, được giảng dạy vào học kỳ 7. Học phần bao gồm các kiến thức khái quát về hệ thống y tế Việt Nam và trên thế giới; một số vấn đề xã hội của người bệnh và gia đình của họ; Vai trò của nhân viên công tác xã hội tại các cơ sở y tế. Học phần này cũng giúp sinh viên nắm được các kỹ năng, kỹ thuật công tác xã hội trong y tế giúp thân chủ phát huy nội lực và thể mạnh.

4.3.42. Công tác xã hội với gia đình

Học phần góp phần trang bị những kiến thức về bản chất của hôn nhân và gia đình, những đặc điểm của hôn nhân và gia đình người Việt Nam, nêu rõ các chu kỳ sống và giai đoạn khủng hoảng, cũng như những vấn đề nổi cộm trong các gia đình người Việt hiện nay. Hơn nữa học phần còn giúp người học nắm rõ vai trò của công tác xã hội trong tư vấn hôn nhân, tư vấn trong quan hệ vợ chồng, gia đình và dòng họ, phụ nữ và trẻ em, giới thiệu một số phương pháp can thiệp đặc thù trong lĩnh vực này. Thông qua học phần này người học nhận diện và khai thác các nguồn lực bên trong và bên ngoài trong việc giải quyết các vấn đề của gia đình.

4.3.43. Công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn

Công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành hẹp Công tác xã hội với các nhóm đối tượng đặc thù trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội. Đây là học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hành vi lệch chuẩn: khái niệm, các cách tiếp cận, phân nhóm và nguyên nhân dẫn đến hành vi lệch chuẩn; một số hành vi lệch chuẩn hiện nay và cơ sở lý thuyết của công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn; một số phương pháp và kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn.

4.3.44. Công tác xã hội với người cao tuổi

Công tác xã hội với người cao tuổi là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành công tác xã hội, được giảng dạy vào học kỳ 7. Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về người cao tuổi, đặc điểm tâm, sinh lý và các vấn đề xã hội của người cao tuổi. Học phần công tác xã hội với người cao tuổi cũng giúp sinh viên nắm được luật pháp, chính sách và các mô hình, dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi cũng như các kỹ năng làm việc với người cao tuổi.

4.3.45. Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm

Học phần thuộc khối kiến thức tự chọn chuyên ngành công tác xã hội, bao gồm các kiến thức cơ bản về ma túy, mại dâm. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Nội dung học phần gắn liền với nội dung giáo dục phòng chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS ; bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với con người góp phần giảm bớt những khó khăn cho đối tượng ma túy, mại dâm. Giảm thiểu sự kỳ thị, giúp cho các đối tượng có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, phát triển tính nhân văn.

4.3.46. Công tác xã hội với trẻ em

Học phần thuộc khối kiến thức tự chọn chuyên ngành công tác xã hội. Thông qua học phần người học có cơ hội được tiếp cận các kiến thức liên quan đến trẻ em như: nhận diện về trẻ, trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị lạm dụng, các đặc điểm và nhu cầu của trẻ. Qua đó học phần đi sâu vào làm rõ về lĩnh vực công tác xã hội với trẻ em, tập trung làm rõ về quy trình bao gồm các bước trong việc quản lý trường hợp bảo vệ trẻ em bị lạm dụng. Giúp người học gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, từ đó hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan đến đời sống của trẻ, nâng cao quyền trẻ em.

V. Ma trận các kỹ năng

VI. Cách thức đánh giá kết quả học tập

6.1. Thang điểm đánh giá: Thang điểm 4

6.2. Quy định cách thức đánh giá: Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần (thi hoặc làm bài thu hoạch)

VII. Điều kiện thực hiện chương trình

7.1. Đội ngũ giảng viên

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, số TC dự kiến đảm nhận
1	Đặng Thị Minh Lý, 1976, Phó Viện trưởng, Trưởng Bộ môn	GVC, 2020	Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Xã hội học	10 HP, 37 TC
2	Phùng Văn Nam, 1979, Phó Trưởng Bộ môn	GV	Thạc sỹ, Việt Nam, 2015	Công tác xã hội	10 HP, 36 TC
3	Võ Thị Cẩm Ly, 1978	GVC, 2019	Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Xã hội học	8 HP, 30 TC
4	Phạm Thị Oanh, 1985, Cố vấn học tập	GV	Thạc sỹ, Việt Nam, 2015	Công tác xã hội	7 HP, 27 TC
5	Phan Thị Thúy Hà, 1984	GV	Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Xã hội học	6 HP, 23 TC
6	Ông Thị Mai Thương, 1985	GV	Thạc sỹ, Việt Nam, 2012	Xã hội học	8 HP, 30 TC
7	Trần Thị Khánh Dung, 1987	GV	Thạc sỹ, Việt Nam, 2015	Công tác xã hội	7 HP, 26 TC
8	Nguyễn Thị Hoài An, 1988	GV	Thạc sỹ, Việt Nam, 2015	Công tác xã hội	8 HP, 28 TC

7.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy (dùng chung toàn trường)
- Ký túc xá (dùng chung toàn trường)
- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa – thể thao, ... (dùng chung toàn trường)

VIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Đây là chương trình khung, trình bày vắn tắt những nội dung cơ bản để đào tạo đại học cử nhân chính qui ngành Công tác xã hội với thời lượng 4 năm.
- Trên cơ sở chương trình này, các Bộ môn sẽ phân công CBGD biên soạn đề cương chi tiết và bài giảng, tiến tới biên soạn hoàn chỉnh giáo trình từng học phần.
- Hàng năm Hội đồng Khoa học- đào tạo Viện sẽ đề nghị Hiệu trưởng nhà trường điều chỉnh, bổ sung chương trình cho phù hợp với yêu cầu xã hội, ngành và điều kiện của trường, khoa. Mức độ điều chỉnh tối đa là 20% mỗi năm.

Nghệ An, ngày tháng năm 20

HIỆU TRƯỞNG